

Số: *47* /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *05* tháng *7* năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính-Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 514/TTr-SKHHCN ngày 23 tháng 5 năm 2018.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:**

**1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 2 như sau:**

“1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng*) là đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức, cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trực thuộc tỉnh và các cơ quan nhà nước khác ở cấp tỉnh (*sau đây gọi chung là Sở, ban, ngành, địa phương*) xem xét đặt hàng.”

**2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3 như sau:**

“2. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ có từ 05 đến 09 thành viên, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng và thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ, chuyên gia kinh tế hoặc cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu; trong đó ít nhất có 02 thành viên có chuyên môn sâu làm chuyên gia phản biện. Hội đồng thống nhất chọn 01 thành viên để làm thư ký khoa học.

b) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính đặc thù hoặc có tính phức tạp, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nào thì không được là thành viên của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó.”

**3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 3 như sau:**

“3. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 05 thành viên của hội đồng (*đối với hội đồng được thành lập có từ 05 đến 07 thành viên*) hoặc ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng (*đối với hội đồng được thành lập có trên 07 thành viên*), trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch hội đồng ủy quyền và ít nhất 01 chuyên gia phản biện. Mỗi phiên họp Hội đồng tư vấn có 02 thư ký hành chính giúp việc do Sở Khoa học và Công nghệ bố trí.”

**4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 4 như sau:**

“4. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định:

a) Đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn/giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong/ngoài nước; kinh

phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện.

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) dựa trên các tài liệu minh chứng khả năng huy động các nguồn lực tài chính trên; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết).

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

d) Báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để xem xét quyết định trong các trường hợp sau: Hội đồng đề xuất điều chỉnh lớn về mục tiêu, sản phẩm so với danh mục đặt hàng đã được phê duyệt; Thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến; những nội dung công việc của nhiệm vụ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức hiện hành.”

#### **5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 8 như sau:**

“3. Các Sở, ngành và UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh tổ chức xây dựng đề xuất đặt hàng theo biểu mẫu *BM-02-01-02* trong Phụ lục kèm theo Quy định này.

Đề xuất đặt hàng gửi Sở Khoa học và Công nghệ bằng văn bản (được lãnh đạo đơn vị ký, có đóng dấu) hoặc đề xuất trực tuyến thông qua Hệ thống thông tin quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Ninh Thuận, bằng tên đăng nhập và mật khẩu do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị được cấp tên đăng nhập và mật khẩu để đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng quy định tên đăng nhập và mật khẩu được cấp.”

#### **6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:**

**“Điều 12. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

“1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận trước đây.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác của tỉnh Ninh Thuận do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước khác của tỉnh Ninh Thuận do mình chủ trì.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tỉnh Ninh Thuận quản lý, sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c Khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác của tỉnh Ninh Thuận.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác của tỉnh Ninh Thuận do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh Ninh Thuận do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác của tỉnh Ninh Thuận do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.”

## 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt; bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp và các biểu mẫu nhận xét tới tất cả thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tối thiểu là năm (05) ngày trước phiên họp đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Hội đồng nhận xét, đánh giá từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký cùng một nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các nhiệm vụ tuyển chọn) theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

a) Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ (biểu mẫu BM-02-01-16, BM-02-01-17 trong Phụ lục kèm theo Quyết định này):

- Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12);
- Nội dung, nhân lực thực hiện các nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);
- Sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16);
- Phương án chuyên gia ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16);
- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 16);
- Năng lực của tổ chức và các cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).

b) Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn và đề án khoa học (biểu mẫu BM-02-01-18, BM-02-01-19 trong Phụ lục kèm theo Quyết định này):

- Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12);
- Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12);
- Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12);
- Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);
- Sản phẩm khoa học, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24);
- Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

c) Dự án Sản xuất thử nghiệm (biểu mẫu BM-02-01-20, BM-02-01-21 trong Phụ lục kèm theo Quyết định này):

- Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);
- Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);
- Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12);
- Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16);
- Phương án tài chính (điểm tối đa 24);
- Năng lực của tổ chức và cá nhân thực hiện (điểm tối đa 16).

d) Các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có thể vận dụng các nhóm tiêu chí và thang điểm quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c Khoản này để đánh giá hồ sơ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ khác, tùy thuộc vào nội dung thực hiện.

đ) Ngoài việc nhận xét, đánh giá theo các nhóm tiêu chí tại khoản này, các ủy viên phân biện nhận xét sự phù hợp giữa các nội dung thực hiện và số nhân lực theo các chức danh, số ngày công lao động để làm cơ sở cho Hội đồng thảo luận, đánh giá.

3. Hội đồng phân công kiểm phiếu và tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá theo biểu mẫu *BM-02-01-22, BM-02-01-23* trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

a) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoản 2 Điều này, đồng thời có tổng điểm đánh giá không được sai lệch quá 30% tổng điểm trung bình do Hội đồng đánh giá. Phiếu đánh giá không hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký tuyển chọn giao trực tiếp nào thì sẽ bị loại, không được tính vào trong tổng điểm đánh giá trung bình của Hội đồng đối với hồ sơ đó.

b) Tổ chức, cá nhân được hội đồng đề nghị trúng tuyển tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Phải đạt tổng điểm đánh giá trung bình từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Đồng thời, trong trường hợp tuyển chọn, tổ chức, cá nhân phải có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt cao nhất.

c) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân là tác giả đề xuất nhiệm vụ sẽ được cộng 05 điểm ưu tiên vào tổng số điểm đánh giá trung bình nếu tổng điểm trung bình do Hội đồng đánh giá đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

d) Đối với các hồ sơ có tổng số điểm đánh giá trung bình bằng nhau (*sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có*) thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

4. Hội đồng kết luận chung về hồ sơ của tổ chức được kiến nghị trúng tuyển:

a) Những điểm cần loại bỏ, sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; sự phù hợp giữa các nội dung thực hiện và số nhân lực theo các chức danh, số ngày công lao động; sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Số lượng chuyên gia trong và ngoài nước cần thiết để tham gia thực hiện.

c) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

5. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lập thành biên bản.

6. Trong trường hợp nhiệm vụ đưa ra tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì chỉ có 01 (một) hồ sơ đăng ký, thì trình tự thủ tục thực hiện như đối với các nhiệm vụ giao trực tiếp.”

### 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

**“Điều 16. Phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Tổ thẩm định và nộp lại cho Sở Khoa học và Công nghệ, sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến của Tổ trưởng Tổ thẩm định.

2. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ và kết quả, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí, phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng mức kinh phí lớn hơn 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*). Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) Tờ trình về kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được chỉnh sửa theo kết luận của Tổ thẩm định.

d) Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng.

đ) Biên bản họp Hội đồng, Biên bản họp tổ thẩm định; Quyết định thành lập Hội đồng, Tổ thẩm định.

e) Dự thảo quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và kinh phí, phương thức, thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng mức kinh phí nhỏ hơn hoặc bằng 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*).”

### 9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 17 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký kết các hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bên A (*Cơ quan quản lý nhiệm vụ*), bao gồm:

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng.

b) Bố trí cho Bên B (*Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ*) số kinh phí từ ngân sách nhà nước theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - đối với các nhiệm vụ do Chủ tịch Ủy ban*

*nhân dân tinh ủy quyền*) và theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt.

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ trong phạm vi hạn mức của dự toán kinh phí nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao.

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh.

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh.

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

k) Tiếp nhận và bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu.

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của nhiệm vụ và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ (nếu có) theo quy định hiện hành.

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.”

#### **10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:**

**“Điều 18. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Vào thời điểm sắp kết thúc mỗi đợt cấp vốn theo Hợp đồng hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan quản lý có thẩm quyền, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ xây dựng, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo biểu mẫu *BM-02-01-28*; Báo cáo sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành theo biểu mẫu *BM-02-01-28a* và Báo cáo sản phẩm khoa học và công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng và thực tế theo biểu mẫu *BM-02-01-28b*.

b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo biểu mẫu *BM-02-01-29*.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Thành phần đoàn kiểm tra gồm: Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là Trưởng đoàn, đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đại diện các bộ phận tham mưu quản lý về kinh phí và nội dung thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời thêm thành phần khác tham gia đoàn kiểm tra.

b) Nội dung kiểm tra gồm: Nội dung khoa học (*đã hoàn thành và đang triển khai, sản phẩm đã hoàn thành, sản phẩm đã được ứng dụng vào thực tế*) tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, các nội dung khác (*nếu có*). Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản”.

### 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

**“Điều 19. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm chính (*hay còn gọi là sản phẩm cuối cùng*) của nhiệm vụ:

a) Không được phép điều chỉnh đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ, thống nhất tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần.

2. Điều chỉnh kinh phí:

a) Không được điều chỉnh tổng mức kinh phí đã được giao khoán.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh các hạng mục kinh phí không được giao khoán làm phát sinh tăng tổng kinh phí đã được duyệt của nhiệm vụ.

c) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh các hạng mục kinh phí không được giao khoán và không làm phát sinh tăng tổng kinh phí đã được duyệt của nhiệm vụ.

3. Điều chỉnh thời gian, địa điểm, nội dung, sản phẩm trung gian, chủ nhiệm, tổ chức chủ trì:

a) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian, địa điểm, nội dung, sản phẩm trung gian, chủ nhiệm, tổ chức chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng. Trường hợp gia hạn quá thời gian đã nêu, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

*m*

c) Việc điều chỉnh chủ nhiệm, tổ chức chủ trì phải đáp ứng các điều kiện nêu tại các Điều 16, Điều 17 Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Trường hợp khác, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.”

## 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

### “Điều 20. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ

1. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối với các trường hợp được quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 của Mẫu hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 22 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ.”

## 13. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 21 như sau:

“1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (sau đây gọi là *Tổ chức chủ trì*) có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung, tiêu chí, mức đánh giá quy định tại các Khoản 2, 3 và 4, Điều 24 quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho đơn vị quản lý nhiệm vụ.”

14. Thay thế các Biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận bằng các Biểu mẫu ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2018. Các quy định khác tại Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, KT, NC;
- Cổng Thông tin điện tử Ninh Thuận;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. QMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh